

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-PT  
Ngày 30 - 12 - 2021  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
và cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hương

*Các Thẩm phán:*

Bà Châu Minh Nguyệt

Ông Bùi Anh Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:**  
Ông Trương Trung Tín, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2021/TLPT-HNGĐ ngày 17/11/2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn”. Do Bản án sơ thẩm số 51/2021/HNGĐ-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2021/QĐ-PT ngày 26/11/2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị A, sinh năm 1991

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

Chỗ ở hiện nay: Ấp P, xã Q, huyện O, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

**2. Bị đơn:** Anh B (tên gọi khác là B1), sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 02 năm 2021 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị A trình bày:* Vào năm 2018, chị A và anh B tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 65/2018 ngày 10 tháng 8 năm 2018. Chị A và anh B chung sống có một con chung là cháu C, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2019; hiện đang sống với anh B. Chị A và anh B không có tài sản chung, không có nợ ai. Trong thời gian sống chung, chị A và anh B phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến tình cảm vợ chồng không

còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị A đã về nhà cha mẹ ở, sống ly thân với nhau từ đầu năm 2021 đến nay. Nay chị A yêu cầu được ly hôn với anh B; yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến cháu C đủ 18 tuổi; tài sản và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

*Đối với yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn anh B trình bày:* Anh B thống nhất với lời trình bày của chị A về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh B không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị A với lý do vẫn còn tình cảm với chị A, vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn gì nghiêm trọng, tình cảm vợ chồng vẫn còn hạnh phúc và anh B không muốn cháu C mất đi tình yêu thương, chăm sóc của người mẹ. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị A, xử cho chị A được ly hôn với anh, thì anh B yêu cầu được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2019, do cháu C đã sống với anh từ khi sinh cho đến nay, chị A đi làm ở Công ty thủy sản thường đi sớm về muộn, không có thời gian chăm sóc con; anh B không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con vì anh B có thu nhập để đảm bảo cuộc sống cho cháu C. Tại phiên tòa, anh B đồng ý ly hôn với chị A.

*Từ nội dung trên, tại Bản án sơ thẩm số 51/2021/HNGĐ- ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu quyết định:*

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh B, cho chị A và anh B ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu C, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2019 cho chị A trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh B đang trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2019; buộc anh B phải có nghĩa vụ giao cháu C, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2019 cho chị A trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu C, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2019 với mức cấp dưỡng 800.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30 tháng 9 năm 2021) cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

Không chấp nhận một phần yêu cầu của chị A đối với anh B về yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, áp dụng lãi suất trong giai đoạn thi hành án, Luật Thi hành án dân sự và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/10/2021, bị đơn anh B kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại, anh không đồng ý giao con cho chị A trực tiếp nuôi.

Tại phiên tòa anh B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu: Về thủ tục tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Xét thấy anh B kháng cáo xin trực tiếp nuôi con, nhưng cháu C, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2019 tính đến khi xét xử sơ thẩm chưa đủ 36 tháng tuổi, nên cấp sơ thẩm giao cho chị A trực tiếp nuôi là phù hợp theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh B và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến đề xuất của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Hôn nhân giữa chị A và anh B là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị A xin ly hôn, anh B đồng ý ly hôn, cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh B, xử cho chị A và anh B ly hôn là có căn cứ.

[2] Chị A và anh B chung sống có một con chung là cháu C, sinh ngày 11/4/2019; hiện cháu C đang sống với anh B. Chị A và anh B đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và đủ điều kiện nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại khoản 1 Điều 71 Luật Hôn nhân và gia đình quy định, về nghĩa vụ và quyền chăm sóc con: *“Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên...”*. Tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*.

Như vậy, cháu C, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2019, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 30 tháng 9 năm 2021), cháu C chưa đủ 36 tháng tuổi. Do vậy, cấp sơ thẩm xử giao cháu C cho chị A trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là có căn cứ, cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin trực tiếp nuôi con của anh B, mà cần chấp nhận như đề nghị của Viện kiểm sát giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

Tuy nhiên, sau này khi anh B đã giao con cho chị A nuôi, khi cháu đã đủ 36 tháng tuổi, nếu có đầy đủ căn cứ cho rằng chị A trực tiếp nuôi con là không đảm bảo, thì anh B có quyền yêu cầu xin thay đổi nuôi con bằng vụ án khác theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm anh B phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh B và giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 51/2021/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

**1.** Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh B (B1), cho chị A và anh B (B1) ly hôn.

**2.** Về con chung: Giao cháu C, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2019 cho chị A trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh B (B1) đang trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2019; buộc anh B (B1) phải có nghĩa vụ giao cháu C, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2019 cho chị A trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh B (B1) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

**3.** Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu C, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2019 với mức cấp dưỡng 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30 tháng 9 năm 2021) cho đến khi cháu C đủ 18 (mười tám) tuổi.

Không chấp nhận một phần yêu cầu của chị A đối với anh B (B1) về yêu cầu anh B (B1) cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/tháng.

**4.** Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

**5.** Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**6.** Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, chị A phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình và anh B (B1) phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng. Chị A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số 0008549 ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện O, tỉnh Bạc Liêu, được chuyển thu án phí.

Án phí dân sự phúc thẩm anh B (B1) phải nộp 300.000 đồng, anh B (B1) đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0000648 ngày 07/10/2021 tại của Chi cục thi hành án dân sự huyện O, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện O;
- CCTHADS huyện O;
- UBND xã N, H. O;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

**Nguyễn Thị Thu Hương**